

Bản án số: 402/2025/DS-ST
Ngày: 05/6/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Quân.
- Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1070/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 612/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Trụ sở: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: 2 Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty T trình bày:

Ngày 20/12/2022, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 4136941 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc C với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (giải ngân ngày 20/12/2022), mức lãi suất: 48%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc C. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2024.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 19/02/2023 ông Nguyễn Ngọc C đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Ngọc C thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Nguyễn Ngọc C biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc C vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì ông Nguyễn Ngọc C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T.

Tính đến ngày 05/6/2025, ông Nguyễn Ngọc C đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.815.003 đồng.

Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 10.783.997 đồng.

Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 18.880.904 đồng.

Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.834.970 đồng.

Tổng cộng: 52.314.874 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ theo Văn bản trả lời xác minh của Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn hiện không còn cư trú tại địa chỉ: Số B khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc C do Công ty T cung cấp thể hiện ông C cư trú tại địa chỉ: số B khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 20/12/2022, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 4136941 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc C với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (giải ngân ngày 20/12/2022), mức lãi suất: 48%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn

Ngọc C. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2024.

Tính đến ngày 05/6/2025, ông Nguyễn Ngọc C đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.815.003 đồng.

Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 10.783.997 đồng.

Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 18.880.904 đồng.

Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.834.970 đồng.

Tổng cộng: 52.314.874 đồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tới làm việc để tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nêu trên, do đó Tòa án không thể thu thập được chứng cứ từ phía bị đơn. Như vậy thể hiện việc bị đơn đương nhiên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, văn bản, kết luận, của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Qua các lần nhắc nợ bằng văn bản ông C đã không đến Công ty T để thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Nay, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải thanh toán hết số nợ gốc và các khoản lãi tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 52.314.874 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất áp dụng và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 05/6/2025 cho đến khi trả dứt số nợ vay theo lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Xét thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa Công ty T và ông Nguyễn Ngọc C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về dân sự.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải thanh toán cho Công ty T toàn bộ số tiền số nợ gốc và các khoản lãi tạm tính đến ngày 05/6/2025 là 52.314.874 (năm mươi hai triệu, ba trăm mười bốn nghìn, tám trăm bảy mươi bốn) đồng.

Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Ngọc C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Ngọc C phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.615.744 (hai triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 895.897 đồng khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049505 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương